

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 513/GDĐT-CĐS

Tân Bình, ngày 08 tháng 4 năm 2024

V/v báo cáo phục vụ công tác kiểm tra
ứng dụng công nghệ thông tin và
chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào
tạo năm 2024

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và THCS (Công lập)

Căn cứ Công văn số 1669/GDĐT-CSVC ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023 – 2024,

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở báo cáo công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của đơn vị như sau:

1. Kế hoạch thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của đơn vị năm 2024; các kế hoạch, công văn văn bản minh chứng tự đánh giá theo phụ lục đính kèm.

2. Bảng điểm tự chấm Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị (phụ lục đính kèm) có ký tên đóng dấu của đơn vị.

3. Báo cáo trực tuyến Bảng điểm tự chấm này qua link. Đường link báo cáo sẽ gửi qua email công vụ của đơn vị.

Các đơn vị gửi các văn bản trên về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước 16 giờ 00 ngày 11 tháng 4 năm 2024 và qua email tesang.tanbinh@tphcm.gov.vn.
Người nhận: ông Trần Công Sang (Chuyên viên).

Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ kiểm tra công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo hai hình thức:

- Kiểm tra bằng hình thức báo cáo: các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở thực hiện các báo cáo theo nội dung nêu trên.

- Kiểm tra khảo sát trực tiếp (theo lịch công tác tuần của Phòng Giáo dục và Đào tạo từ ngày 15 tháng 4 năm 2024 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024).

Đề nghị Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở chỉ đạo thực hiện đúng tiến độ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GDĐT/TP: BGĐ, VP;
- TTUB: PCT/VX;
- VPUB: CVP;
- P.GDĐT: BLĐ;
- Lưu: VT, Thanh, Trang, Sang.

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO
Phan Văn Quang

PHỤ LỤC (TIÊU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ)
Các nội dung kiểm tra theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số

STT	Tiêu chí	Phòng/Trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)	Phòng GDĐT	Văn bản	Điều kiện bắt buộc
1.1.				
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến	Phòng GDĐT	Văn bản	Điều kiện bắt buộc
	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS); Phòng học thông minh (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua) Hệ thống LMS hoặc LCMS có triển khai các chức năng:	Phòng GDĐT	Tên giải pháp	Đạt: có triển khai Chưa đạt: chưa triển khai
1.3.	1.3.1 Giáo viên giao bài cho học sinh tự học.	Tối đa 6 điểm: - Tạo nội dung cho khóa học: 2 điểm. - Theo dõi, giám sát quá trình học của học sinh: 2 điểm. - Thiết lập điều kiện tiên quyết cho nội dung bài học: 2 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	Đạt: ≥ 4 điểm Chưa đạt: <4 điểm
	1.3.2 Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh.	Tối đa 6 điểm: - Có chức năng trao đổi và thảo luận: 3 điểm. - Có chức năng thống kê số lượng trao đổi và thảo luận: 3 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	Đạt: ≥ 3 điểm Chưa đạt: <3 điểm

STT	Tiêu chí	Phòng/Trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
	1.3.3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên.	Tối đa 6 điểm: - Có công cụ kiểm tra đánh giá: 1 điểm. - Công cụ kiểm tra đánh giá có hỗ trợ đa dạng câu hỏi: trắc nghiệm, đúng/sai, điền vào chỗ trống, nhiều đáp án đúng, câu hỏi trả lời bằng tập tin: 1 điểm. - Có công cụ xây dựng ngân hàng câu hỏi: 2 điểm. - Có công cụ xây dựng ma trận: 2 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	Đạt: ≥ 3 điểm Chưa đạt: < 3 điểm
	1.3.4. Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh; Số lượt tương tác của cha mẹ trẻ qua clip.	- Có ứng dụng theo dõi/ giám sát các hoạt động của học sinh	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	Đạt: có triển khai Chưa đạt: chưa triển khai
	1.3.5. Có tích hợp phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp; Vận dụng đa dạng các phần mềm trong tổ chức hoạt động		Tên phần mềm	Đạt: có triển khai Chưa đạt: chưa triển khai

STT	Tiêu chí	Phòng/Trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa, clip xây dựng kho học liệu (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	Phòng GDĐT: - Số lượng học liệu được số hóa ít hơn 10% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: 2 điểm. - Số lượng học liệu được số hóa nhiều hơn 10% và ít hơn 20% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: 4 điểm. - Số lượng học liệu được số hóa nhiều hơn 20% và ít hơn 35% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: 6 điểm. - Số lượng học liệu được số hóa nhiều hơn 35% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: 10 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống Theo Khoản 2 Điều 2 Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT (có hiệu lực ngày 23/10/2017) quy định: Học liệu số là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác.	Đạt: ≥ 4 điểm Chưa đạt: < 4 điểm
1.5.	Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	Phòng GDĐT - Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính thường xuyên: 10 điểm. - Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính định kỳ: 5 điểm.	Tên phần mềm, kết quả thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	Đạt: ≥ 5 điểm Chưa đạt: < 5 điểm Đạt: có triển khai Chưa đạt: chưa triển khai

STT	Tiêu chí	Phòng/T trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: Ti lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	Phòng GDDT - <30%: 2 điểm; - 30%-60%: 4 điểm; - >60%: 6 điểm; - Có giáo viên chuyên trách phụ trách CNTT: 1 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện	Đạt: >= 5 điểm Chưa đạt: <5 điểm
	Ti lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	Phòng GDDT - <30%: 2 điểm; - 30%-60%: 4 điểm; - >60%: 6 điểm.	- Có kế hoạch tham gia tập huấn chương trình về sử dụng công cụ đổi mới phương pháp dạy học. - Có sử dụng, khai thác công cụ đổi mới phương pháp dạy học.	
	Ti lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	Phòng GDDT - <30%: 2 điểm; - 30%-60%: 4 điểm; - >60%: 6 điểm.	Có kế hoạch, phân công cụ thể	
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: Ti lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học.	Phòng GDDT - <50%: 2 điểm; - 50%-75%: 5 điểm; - >75%: 8 điểm.	Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị (Đề án 762 về nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông)	Đạt: >= 5 điểm Chưa đạt: <5 điểm
	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học.	Phòng GDDT	Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị (Đề án 762 về nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông)	Đạt: đáp ứng Chưa đạt: chưa đáp ứng

STT	Tiêu chí	Phòng/Trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
	Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).	Phòng GDĐT	Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị (Đề án 762 về nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông)	Đạt: có Chưa đạt: chưa có
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)	Phòng GDĐT	Quyết định/Kế hoạch	Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Phòng GDĐT	Quyết định/Kế hoạch	Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ và có kết nối với CSDL ngành: + Phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). + Phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. + Phân hệ quản lý cơ sở vật chất. + Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. + Phân hệ công thông tin điện tử. + Số điểm điện tử, học bạ điện tử.	Phòng GDĐT - Phần mềm sử dụng các phân hệ riêng lẻ, không kết nối với nhau (4 điểm). - Phần mềm có kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu giữa các phân hệ với nhau (6 điểm). * Thiếu 1 phân hệ trừ 1 điểm (-1 điểm)	Quy chế, văn bản, kế hoạch Tên đơn vị cung cấp hệ thống, phân hệ	Đạt: >=4 điểm Chưa đạt: <4 điểm
	Có kế hoạch sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị.	Phòng GDĐT	Quyết định/Kế hoạch	Đạt: có Chưa đạt: chưa có

STT	Tiêu chí	Phòng/Trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	Phòng GDDT	Đường link, quy chế, văn bản hướng dẫn	Đạt: có triển khai Chưa đạt: chưa triển khai
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến và phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục.	Phòng GDDT		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.	Phòng GDDT		

PHỤ LỤC (MẦM NON)
Các nội dung kiểm tra theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số

STT	Tiêu chí	Phòng/Trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học			
1.1.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục. (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)	Phòng GDMN	Văn bản	Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có triển khai phòng học, đồ dùng dạy học thông minh;	Phòng GDMN	Tên giải pháp	Đạt: có triển khai Chưa đạt: chưa triển khai
1.3.	Cha mẹ trẻ tham gia vào các hoạt động giáo dục.	Phòng GDMN	Lượt tương tác của Phụ huynh học sinh	Đạt: triển khai hiệu quả Chưa đạt: chưa triển khai
	Vận dụng đa dạng các phần mềm trong tổ chức hoạt động.	Phòng GDMN	Tên phần mềm	Đạt: có triển khai Chưa đạt: chưa triển khai
	Số hóa hồ sơ, triển khai kho học liệu số	Phòng GDMN	Số lượng clip xây dựng kho học liệu được phê duyệt.	Đạt Chưa đạt
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			

STT	Tiêu chí	Phòng/Trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)	Văn phòng Sở	Quyết định/Kế hoạch	Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Văn phòng Sở	Quyết định/Kế hoạch	Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ và có kết nối với CSDL ngành: + Phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). + Phân hệ quản lý đối ngũ CBVCNV. + Phân hệ quản lý cơ sở vật chất. + Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. + Phân hệ công thông tin điện tử. + Sở điểm điện tử, học bạ điện tử.	Văn phòng Sở - Phần mềm sử dụng các phân hệ riêng lẻ, không kết nối với nhau (4 điểm). - Phần mềm có kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu giữa các phân hệ với nhau (6 điểm). * Thiếu 1 phân hệ trừ 1 điểm (-1 điểm)	Quy chế, văn bản, kế hoạch Tên đơn vị cung cấp hệ thống, phân hệ	Đạt: ≥ 4 điểm Chưa đạt: < 4 điểm
	Có kế hoạch sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị.	Phòng KHTC	Quyết định/Kế hoạch	Đạt: có Chưa đạt: chưa có

STT	Tiêu chí	Phòng/Trung tâm kiểm tra & Mức độ đánh giá	Ghi chú, minh chứng	Kết quả đánh giá
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	TTTT&CTGD	Đường link, quy chế, văn bản hướng dẫn	Đạt: có triển khai Chưa đạt: chưa triển khai
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.	Phòng KT&KĐCLGD		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.	Phòng KHTC		

